

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HSST

Ngày: 08/02/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Ái Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kiều Thu.

2. Ông Nguyễn Bính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P – tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Chu Đức Thọ, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh B, Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2021/HSST ngày 28 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ B, Sinh năm: 1990, tại tỉnh B.

Nơi ĐKTT và chỗ ở: khu phố 13, phường M, thành phố P, tỉnh B; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị N. Có chồng và 02 con.

Tiền án: không; Tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Bùi Thị Hà T, sinh năm: 1972. Địa chỉ: khu phố 4, phường H, thành phố P, tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ, ngày 04/6/2020, bị cáo Nguyễn Thị B (sinh năm: 1990; Trú tại: khu phố 13, phường M, thành phố P) đi đến chợ M thuộc khu phố 5, phường M, thành phố P để mua trứng gà. Khi bị cáo Ba đến hàng bán trứng gà ở cuối chợ M để mua 06 quả trứng gà thì phát hiện chị Bùi Thị Hà T (sinh năm: 1972; trú tại: khu phố 4, phường H, thành phố P, tỉnh B) cũng đang mua trứng tại đây. Thấy chị T để giỏ xách đi chợ bên hông trái của mình, bên trong giỏ xách có túi nilong màu

đỏ có tài sản nên B nảy sinh ý định chiếm đoạt. Lợi dụng lúc chị T sơ hở, B lén lút thò tay lấy trộm túi nylon màu đỏ bên trong giỏ xách này rồi quay ra trước chợ M, sau đó gọi 01 người đàn ông chạy xe ôm (không rõ họ tên, lai lịch) chở về nhà rồi mở túi nylon ra xem thì phát hiện bên trong có 01 (một) cái ví da màu xám nâu; bên trong ví da có số tiền 13.400.000 (mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng) và 01 (một) chiếc điện thoại di động OPPO A37. Bị cáo B đem số tài sản đã chiếm đoạt vào phòng ngủ cất giấu, riêng chiếc túi nylon bị cáo đã đem vứt bỏ.

Bị mất tài sản, chị T đến Công an phường M trình báo sự việc. Qua xác minh, Công an phường M mời B về làm việc. Tại Công an phường, bị cáo B đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời tự nguyện giao nộp toàn bộ số tài sản đã lấy trộm bao gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37 màu vàng đồng;
Số IMEI: 865262036982338; Số IMEI: 865262036982320
- 16 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng;
- 25 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng;
- 10 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng;
- 20 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng;
- 01 ví tiền màu xám nâu có khóa kéo dài khoảng 19 cm, rộng khoảng 09 cm.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 USB màu bạc 16Gb, bên trong có chứa đoạn video độ dài 42 giây ghi hình Ba trộm cắp tài sản của chị Thắm.

Tại Kết luận định giá tài sản số 217/KL-HĐĐG ngày 28/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P kết luận, kết luận: chiếc điện thoại OPPO A37, số IMEI 865262036982338 và chiếc ví da màu xám nâu trị giá 1.525.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Thị B trộm cắp của chị Bùi Thị Hà T là 14.925.000 đồng.

Về dân sự: bị hại Bùi Thị Hà T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, ngoài ra bị hại T đã nhận số tiền 5.000.000 đồng do Nguyễn Thị B tự nguyện khắc phục hậu quả, đồng thời làm đơn xin bãi nại cho bị cáo, không có yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo B không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản nêu trên.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị B đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 15/CT - VKS ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh B đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự;

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Thị B đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo biết việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, bất chấp hậu quả.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B với mức hình phạt từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Bị hại Bùi Thị Hà T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về dân sự nên không buộc bị cáo phải bồi thường.

Bị cáo Ba không trình bày lời bào chữa, không tranh luận gì với Kiểm sát viên đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như lời kết tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thị B: sau khi phạm tội bị cáo rất ân hận về hành vi đã thực hiện mong Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt, bị cáo hứa sẽ học tập rèn luyện để trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra Công an thành phố P, cũng như lời khai của bị hại và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 08 giờ ngày 04/6/2020, tại chợ M thuộc khu phố 5, phường M, thành phố P, bị cáo Nguyễn Thị B đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) cái ví da màu xám nâu, bên trong ví da có số tiền 13.400.000 đồng và 01 (một) chiếc điện thoại di động OPPO A37 của chị Bùi Thị Hà T. Tổng trị giá tài sản Nguyễn Thị B đã chiếm đoạt của chị Thắm là 14.925.000 đồng.

Do vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Thị B đã thực hiện như đã nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt đối với bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy: Nguyễn Thị B vì động cơ tư lợi cá nhân, cũng do hoàn cảnh khó khăn vì muốn có tiền để trả nợ nên bị cáo cố ý chiếm đoạt tài sản của bị hại, hành vi này là nguy hiểm cho xã hội không những đã xâm phạm đến quan hệ về quyền sở hữu hợp pháp của công dân mà còn gây mất trật tự trị an địa phương. Vì vậy cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ: tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, sau khi xảy ra sự việc bị cáo thật sự ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại và được bị hại làm đơn xin bãi nại giảm nhẹ hình phạt là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Mặt khác, bị cáo có địa chỉ nơi cư trú ổn định rõ ràng; nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, áp dụng quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục cũng đủ tính răn đe để bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[4] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền 13.400.000 đồng, 01 điện thoại OPPO A37 và 01 ví da màu xám nâu cho chủ sở hữu là Bùi Thị Hà T. Chị T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo B bồi thường gì thêm về dân sự.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị B 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 08/02/2021).

Giao bị cáo Nguyễn Thị B cho Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, tuyên buộc bị cáo Nguyễn Thị B phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/02/2021).

Nơi nhận

- VKSND thành phố P;
- VKSND tỉnh B;
- TAND tỉnh B;
- Công an thành phố P;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi b/c thường trú;
- Thi hành án thành phố P;

**TM – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hà Thị Ái Quyên